

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-5-2025

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chung và ông Bùi Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Dem – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX-TA ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-DS, ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án huyện Di Linh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim D; sinh năm 1985.

Địa chỉ: số 21A, đường Nguyễn D1, thị trấn Di L, huyện Di L, tỉnh Lâm Đ.

- Bị đơn: Anh Lý Ngọc S; sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 18/4 thôn 9, xã Tân C, huyện Di L, tỉnh Lâm Đ.

Tại phiên tòa chị D có mặt, vắng mặt anh S không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, canh khai chứng cứ, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Bùi Thị Kim D trình chị như sau:

- Về hôn nhân: Chị D và anh Lý Ngọc S đăng ký kết hôn ngày 12/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Châu, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D nghi ngờ anh S không chung thủy, từ đó vợ chồng thường hay cãi nhau, xúc

phạm không tôn trọng nhau, bỏ mặc mạnh ai người ấy sống, không quan tâm đến đời sống chung, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Từ tháng 01/2024 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị D thuê nhà sinh sống nuôi các con chung, anh S ở lại nhà cũ một mình. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, không có phương án, ý định đoàn tụ, nên yêu cầu được ly hôn với anh Lý Ngọc S, việc ly hôn suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lý Ngọc Minh Kh; sinh ngày 03/8/2005. Cháu Lý Ngọc Minh Kh hiện đã trưởng thành, có công việc làm, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng. Cháu Lý Phát B, sinh ngày 11/10/2008 và Lý Ngọc Khánh V, sinh ngày 30/7/2018. Từ khi ly thân, cả hai con chung Lý Phát B, và Lý Ngọc Khánh V ở với chị Bùi Thị Kim D cho đến nay. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lý Phát B, sinh ngày 11/10/2008 và Lý Ngọc Khánh V, sinh ngày 30/7/2018, không yêu cầu anh Lý Ngọc S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tài sản chung, vợ chồng tôi tự thỏa thuận phân chia. Tài sản riêng của mỗi người tự quản lý. Khi ly hôn chị D không yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản. Hiện nay chị D đang buôn bán quán ăn uống, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000đ ngoài ra không còn thu nhập nào khác.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp: Giấy chứng nhận kết hôn; khai sinh của các con.

Anh Lý Ngọc S đã nhận được thông báo thụ lý và các quyết định của Tòa án, nhưng không đến Tòa làm việc, vì thế Tòa án không ghi được lời khai của anh S.

Ý kiến của các con chung:

Cháu Lý Phát B có bản tự khai, nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Nguyện vọng của cháu là tự nguyện, không ai ép buộc.

Tại phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ:

Tại phiên họp, có mặt chị D, vắng mặt anh S không lý do. Ngoài ra chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung tài liệu chứng cứ gì. Do anh S cố tình vắng mặt, chị D có đơn không yêu cầu hòa giải. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và họp công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên Tòa.

Chị D trình bày:

Trước khi làm đơn xin ly hôn, chị có trao đổi với anh S và hai bên gia đình rồi. Vợ chồng cũng đã ly thân từ đầu năm 2024, không còn quan tâm đến nhau. Chị D cam kết không có con chung, không có con riêng nào khác, sức khỏe của chị bình thường, không thai nghén gì cả. Con lớn của vợ chồng là Lý Ngọc Minh Kh; sinh ngày 03/8/2005, hiện đã trưởng thành, có công việc làm, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng. Tại phiên Tòa chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung tranh chấp. Đề nghị căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 82; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Các đương sự có nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, tranh chấp về hôn nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Di Linh có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[2] Nội dung tranh chấp.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim D và anh Lý Ngọc S sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Châu, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D nghi ngờ anh S không chung thủy, từ đó vợ chồng thường hay cãi nhau, xúc phạm không tôn trọng nhau, bỏ mặc, mạnh ai người ấy sống, không quan tâm đến đời sống chung, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Từ tháng 01/2024 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương quý trọng, lo lắng cho cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi Tòa án tổ chức hòa giải anh S không đến làm việc. Nội dung này cho thấy ý thức bỏ mặc, không mong muốn đoàn tụ của anh S. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét giải quyết cho chị Bùi Thị Kim D và anh Lý Ngọc S được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lý Ngọc Minh Kh; sinh ngày 03/8/2005; Lý Phát B, sinh ngày 11/10/2008 và Lý Ngọc Khánh V, sinh ngày 30/7/2018. Cháu Lý Ngọc Minh Kh hiện đã trưởng thành, có công việc làm, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân, khi ly hôn đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng. Cháu Lý Phát B và Lý Ngọc Khánh V, hiện đang ở với chị D. Từ khi ly thân, cả hai con chung Lý Phát B, và Lý Ngọc Khánh V ở với chị Bùi Thị Kim D cho đến nay. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lý Phát B và Lý Ngọc Khánh V, không yêu cầu anh Lý Ngọc S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho con nhỏ, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của con chung. Vì thế, cần giao 02 con chung là Lý Phát B, sinh ngày 11/10/2008 và Lý Ngọc Khánh V, sinh ngày 30/7/2018 cho chị Bùi Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lý Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về phần tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị Kim D phải chịu án phí xin ly hôn là đúng quy định.

[4] Xét quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147; 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim D và anh Lý Ngọc S được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Khi ly hôn, giao 02 con chung là Lý Phát B, sinh ngày 11/10/2008 và Lý Ngọc Khánh V, sinh ngày 30/7/2018 cho chị Bùi Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lý Ngọc S không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về phần tài sản: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim D phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí xin ly hôn. Chị D đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0009255, ngày 27/02/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Kim D có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Ngọc S vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Cường Huy